

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NHA TRANG  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/7/2022  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Liễu**

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

**1. Ông Hồ Văn Tư,**

**2. Bà Võ Thị Bồi.**

**- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 429/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Thái Thị Thanh L**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Lạc B, xã Ninh T, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh H

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**\* Bị đơn: Thái Văn Bảo T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: 222/31 Lê Hồng P, phường Phước H, Nha T.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 24/02/2022, bản tự khai ngày 20/6/2022 và biên bản hòa giải nguyên đơn – bà Thái Thị Thanh L trình bày:** Bà và ông Thái Văn Bảo T tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ea D, huyện Ea H, tỉnh Đắk L vào năm 2010. Quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn không thể giải quyết được, hay xảy ra kinh cãi, vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm không còn do vợ chồng không còn chung sống với nhau từ 2 năm nay nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

**\* Tại bản tự khai ngày 27/5/2022 và biên bản hòa giải bị đơn – ông Thái Văn Bảo T trình bày:** Ông thừa nhận vợ chồng tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ea D, huyện Ea H, tỉnh Đắk L vào năm 2010 như bà L đã trình bày.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, có nhiều ý kiến trái chiều và ít đồng quan điểm với nhau, hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau. Tuy nhiên, bà L yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì con cái chưa lớn, cuộc sống các con chưa ổn định.

**Về con chung:** Bà Thái Thị Thanh L và ông Thái Văn Bảo T xác nhận có 03 con chung tên là Thái Ngọc Khánh B, sinh ngày 23/01/2011; Thái Hoàng Chí K, sinh ngày 19/4/2014 và Thái Ngọc Khánh A, sinh ngày 06/5/2019. Ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Bà L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Thái Ngọc Khánh A và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Bà Thái Thị Thanh L và ông Thái Văn Bảo T là vợ chồng, có địa chỉ cư trú tại thành phố Nha T, tỉnh Khánh H. Do trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nên dẫn đến việc bà L xin ly hôn. Xét việc ly hôn của bà L là đúng pháp luật, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vì lý do công việc nên có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Thái Thị Thanh L và ông Thái Văn Bảo T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ea D, huyện Ea H, tỉnh Đắk L (theo giấy chứng nhận kết hôn số 109 cấp ngày 30/8/2010). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà L cho thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do cuộc sống bất đồng về quan điểm từ đó xảy ra kinh cãi, mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc nên vợ chồng bà đã sống ly thân. Vì vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và bà L nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên đã yêu cầu ly hôn. Đối với lời khai của ông T, ông T thừa nhận quá trình chung sống và kết hôn đúng như bà L trình bày. Ông T xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống là do tính tình không hòa hợp và xảy ra kinh cãi kéo dài, có nhiều ý kiến trái chiều nhau và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau. Tuy nhiên, ông T không đồng ý ly hôn vì con cái chưa lớn và cuộc sống của các con hiện tại chưa ổn định.

Căn cứ vào lời khai của bà L, ông T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T có nhiều mâu

thuần do hai bên bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**[2.2] Về con chung:** Bà Thái Thị Thanh L và ông Thái Văn Bảo T xác nhận có 03 con chung tên là Thái Ngọc Khánh B, sinh ngày 23/01/2011; Thái Hoàng Chí K, sinh ngày 19/4/2014 và Thái Ngọc Khánh A, sinh ngày 06/5/2019. Trong trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho bà L và ông T ly hôn thì ông T có nguyện vọng được nuôi dưỡng 03 con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Bà L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Thái Ngọc Khánh A đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ trước đến nay các cháu Thái Ngọc Khánh B và Thái Hoàng Chí K được ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ổn định, đảm bảo cho các cháu phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, do đó cần tiếp tục giao hai con chung Thái Ngọc Khánh B và Thái Hoàng Chí K cho ông T chăm sóc, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của ông T cũng như nguyện vọng của hai con chung. Đối với cháu Thái Ngọc Khánh A hiện đang còn nhỏ, vừa đủ 36 tháng tuổi, cần phải có sự chăm sóc của người mẹ nên cần thiết phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Thái Ngọc Khánh A cho bà L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.4] Về án phí:** Bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Thái Ngọc Khánh B và Thái Hoàng Chí K cho ông Thái Văn Bảo T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung trưởng thành; Giao con chung là cháu Thái Ngọc Khánh A cho bà Thái Thị Thanh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Thái Thị Thanh L ly hôn ông Thái Văn Bảo T.

**[2] Về con chung:** Giao hai con chung là Thái Ngọc Khánh B, sinh ngày 23/01/2011; Thái Hoàng Chí K, sinh ngày 19/4/2014 cho ông Thái Văn Bảo T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai con chung trưởng thành; Giao con chung là cháu Thái Ngọc Khánh A, sinh ngày 06/5/2019 cho bà Thái Thị Thanh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai con chung trưởng thành. Bà Thái Thị Thanh L và ông Thái Văn Bảo T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Bà L và ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**[3] Về tài sản chung, nợ chung:** Bà Thái Thị Thanh L và ông Thái Văn Bảo T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4] Về án phí:** Bà Thái Thị Thanh L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001464 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**[5] Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

#### **\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS Nha Trang;
- UBND thị trấn EaD, huyện EaH, tỉnh Đắk L (GCNKH số 109 ngày 30/8/2010);
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Bích Liễu**